

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày: 26 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Xuân Thiều
Bà Lương Thị Thu An

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn H; (Tên gọi khác: Không có tên gọi khác); Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/7/1998; Nơi sinh: Thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố T, phường K, thành phố H; Nơi ở hiện tại: Không rõ ràng; Thẻ căn cước công dân: xxxxxxxxxx72, cấp ngày 16 tháng 01 năm 2022, Nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1; Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn S, sinh năm 1963 và bà Võ Thị B, sinh năm 1969; Có vợ là Dương Thị Kim P, sinh năm 1998 (Đã ly hôn) và 01 con ruột tên là Nguyễn Dương Hải Đ, sinh năm 2018; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 20 tháng 11 năm 2024, bị TAND phố T (nay là TAND khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản) tại Bản án số 579/2024 ngày 20 tháng 11 năm 2024;

Nhân thân: Ngày 10/9/2018, bị TAND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là TAND Khu vực 3, thành phố H) xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 19/2018/HS-ST

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2026 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 1977; Thẻ căn cước công dân số: 070177004906, cấp ngày 25/12/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1.

Trú tại: Tổ G, khu phố C, phường C, thành phố Đ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 15 giờ 00 ngày 15/01/2026, Nguyễn Văn H đi bộ từ Trung tâm thương mại C2 thuộc khu phố F, phường C, tỉnh Đồng Nai theo đường L về hướng phường M để tìm tài sản sơ hở của người dân lấy bán kiếm tiền tiêu xài. Khi đến nhà của bà Đỗ Thị Thùy T tại tổ G, khu phố C, phường C, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) thì thấy cửa rào nhà của bà T đóng, không có người trông coi nên H trèo tường leo vào khu vực sân bên trong. H thấy cửa kính nhà bị khoá nên H lấy 01 cây cuốc bên trong nhà kho của bà T rồi đập bể ô kính trên cửa và thò tay vào trong mở chốt cửa ra, đột nhập vào trong nhà. H đi vào gian phòng khách lục tìm tài sản nhưng không có tài sản gì, H tiếp tục đến phòng ngủ mở cửa nhưng cửa đang khoá. H tiếp tục lấy cây cuốc đập bể ô kính trên cửa rồi thò tay vào vặn khóa cửa ra để mở cửa đi vào trong phòng ngủ. Lúc này, H thấy trong phòng ngủ có rất nhiều túi xách treo trên tường nên lấy từng cái túi xách ra lục tìm tài sản thì phát hiện bên trong một túi xách có nhiều phong bao lì xì và tiền. H lấy được số tiền 6.569.000 đồng và đang tiếp tục lục lợi tìm tài sản thì bà T cùng lực lượng an ninh cơ sở về đến và bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Tiền mặt 6.569.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xám, số Imeil: 861001075409082; 01 cây cuốc bằng kim loại, phần lưỡi có kích thước (17,5x22,5)cm, cán hình trụ dài 121cm, đường kính 3,4cm; 01 USB (đã được niêm phong) lưu trữ hình ảnh được trích xuất từ Camera ghi lại diễn biến vụ việc

Kết luận giám định số 366/KL-KTHS ngày 30/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: “Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 11 (mười một) tập tin video” trích xuất từ Camera ghi lại diễn biến vụ việc.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 12/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường C, tỉnh Đồng Nai xác định: 02 ô kính trên cửa bị đập bể, thời điểm ngày 15/01/2026, trị giá 100.333 đồng.

Cáo trạng số 24/CT-VKSKV10 ngày 10/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 10 - Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi đập bể 02 ô kính trị giá 100.333 đồng của nhà bà Đỗ Thị Thùy T. Do giá trị tài sản hư hỏng dưới 2.000.000 đồng và H chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Điều 178 Bộ luật Hình sự. Ngày 11/03/2025, Công an phường C đã ra Quyết định số 25/QĐ-XPHC v/v xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn H số tiền 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn H như Cáo trạng số 24/CT-VKSKV10 ngày 10/4/2026 của VKSND khu vực 10 - Đồng Nai và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 38,50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án tù 08 (tám) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

3. Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xám.

Đối với 01 USB (đã được niêm phong) lưu trữ hình ảnh được trích xuất từ Camera ghi lại diễn biến vụ việc, đề nghị lưu vào hồ sơ vụ án theo quy định.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Thị Thùy T đã nhận lại số tiền 6.569.000 đồng bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường 02 ô kính bị đập bể nên không xem xét, giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng số 24/CT-VKSKV10 ngày 10/4/2026 của VKSND khu vực 10 - Đồng Nai đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, VKSND, trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Vì vậy, hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai, nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 15/01/2026 của Công an phường C, tỉnh Đồng Nai; Kết luận giám định số 366/KL-KTHS ngày 30/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ; Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 12/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường C, tỉnh Đồng Nai; phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến, cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, được kiểm tra công khai tòa phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 15/01/2026, Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 6.569.000 đồng của bà Đỗ Thị Thùy T tại khu phố C, phường C, tỉnh Đồng Nai thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm. Vì tham lam, tư lợi và mong muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nhận định ở trên.

Vì vậy, Cáo trạng số 24/CT-VKSKV10 ngày 10/4/2026, VKSND khu vực 10 - Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 20/11/2024, bị cáo bị TAND phố T (nay là TAND khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 579/2024, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Ngày 10/9/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3, thành phố H) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 19/2018/HSST. Mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn thuộc trường hợp có nhân thân xấu.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tính răn đe, giáo dục. Bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Các hành vi khác: Đối với hành vi đập bể 02 ô kính trị giá 100.333 đồng của nhà bà Đỗ Thị Thùy T. Do giá trị tài sản hư hỏng dưới 2.000.000 đồng và H chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Điều 178 Bộ luật Hình sự. Ngày 11/03/2025, Công an phường C đã ra Quyết định số 25/QĐ-XPHC v/v xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn H số tiền 4.000.000 đồng nên không xem xét, xử lý.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xám không phải là vật chứng của vụ án, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H.

Đối với 01 USB (đã được niêm phong) lưu trữ hình ảnh được trích xuất từ Camera ghi lại diễn biến vụ việc, lưu vào hồ sơ vụ án theo quy định.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Thị Thùy T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt như trên là có cơ sở và được xem xét khi quyết định.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 16/01/2026 (ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam).

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xám.

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB (đã được niêm phong) lưu trữ hình ảnh được trích xuất từ Camera ghi lại diễn biến vụ việc.

4. Trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng PV06 - Công an thành phố Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Nai;
- Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Quang Dũng